TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **233**/2026/DSST
Ngày 24/8/2026.
V/v "Kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Mai Hương và ông Nguyễn Hồng Nghị.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Ngọc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Cơ sở 1, Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026 về "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Hồng N**, sinh năm 1954; Số CCCD: 025154006541 cấp ngày 24/6/2021.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố I, phường A, tỉnh Tuyên Quang (nay là số nhà A, tổ dân phố A, phường A, tỉnh Tuyên Quang).

* *Bị đơn:* Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1983; Số CCCD: 008183008228 cấp ngày 27/10/2023.

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường A, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ dân phố H, phường A, tỉnh Tuyên Quang).

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Hồng N trình bày:*

Bà và chị Hoàng Thị T trước đây cùng sinh hoạt trong đội văn nghệ để tham gia các cuộc thi văn nghệ cấp huyện, cấp tỉnh nên có quen biết nhau. Trước ngày 17/6/2001 bà có cho chị T vay 01 (một) chỉ vàng nhẫn tròn 999, bà đã giao đủ số vàng cho chị T. Khi vay, hai bên có lập giấy vay vàng, nội dung thể hiện: *" GIẤY VAY VÀNG. Tôi là Hoàng Thị T, tôi có vay của bà N 01 chỉ vàng, hẹn ngày 17/6/2001*

hoàn trả bà N 01 chỉ vàng trên. Nếu như không trả được thì tôi tính lãi theo thỏa thuận của hai bên, số lãi là 2,00 trị giá theo tiền vàng quy ra kể từ ngày 17/6/2001".

Bà đã nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T đều khất nợ. Cụ thể, ngày 21/7/2010 chị T viết giấy khất nợ hẹn ngày 15/12/2010 trả; ngày 10/3/2011 viết giấy khất nợ, hẹn ngày 30/6/2011 âm lịch trả; ngày 14/7/2011 viết giấy khất nợ, hẹn ngày 30/8/2011 trả; sau đó tiếp tục viết giấy khất nợ, hẹn ngày 26/9/2011 trả trước ½ chỉ vàng nhưng đều không thực hiện. Ngày 07/11/2025, chị T tiếp tục viết giấy khất nợ, hẹn đến tháng 6/2026 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Do chị T nhiều lần khất nợ nhưng không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Hoàng Thị T phải trả 01 (một) chỉ vàng nhẫn tròn 999 (ba số chín) đã vay. Tại phiên tòa, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải trả một lần 01 chỉ vàng nhẫn tròn 999, bà không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

Do cùng tham gia đội văn nghệ nên chị và bà Phạm Hồng N quen biết nhau. Trước ngày 17/6/2001, chị có vay của bà N 01 (một) chỉ vàng nhẫn tròn 999 của bà N. Khi vay, hai bên có lập giấy vay vàng và chị đã nhận đủ số vàng. Do thời gian đã lâu nên chị không nhớ cụ thể thời hạn trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận. Trong giấy vay có ghi nếu đến hạn mà chị không trả được thì tính 2,00 trị giá theo tiền vàng quy ra. Đến nay, chị chưa trả được cho bà N số vàng đã vay do chưa thu xếp được tiền để mua vàng trả nợ. Hiện giá vàng đang cao nên chị chưa thể mua vàng để trả và dự định khi giá vàng giảm sẽ mua vàng trả cho bà N.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, chị xác nhận còn nợ bà N 01 (một) chỉ vàng nhẫn tròn 999 (ba số 9) và đồng ý trả số vàng này. Tuy nhiên, do hiện tại chưa có khả năng trả một lần nên chị đề nghị được trả dần bằng tiền theo từng tháng để bà N tự tích góp mua vàng.

Tại phiên tòa, chị T đề nghị cho chị được trả mỗi tháng 02 (hai) phân vàng cho bà N.

Ngày 24/8/2026 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đã tiến hành xác minh giá vàng 999 tại cửa hàng K1 địa chỉ C, đường A, tổ dân phố P, phường M, tỉnh Tuyên Quang, thể hiện: Giá vàng nhẫn tròn trơn 999 (vàng ba số 9) bán ra 14.650.000đ đồng/01 chỉ, mua vào là 14.350.000 đồng/01 chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc "*Kiện đòi tài sản"* là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ và nội dung tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Hồng N 01 chỉ vàng nhẫn 999 (vàng ba số 9).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hồi đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Hồng N khởi kiện yêu cầu bị đơn Hoàng Thị T trả 01 chỉ vàng đã vay từ năm 2001 đến nay chưa trả. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Kiện đòi tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Hoàng Thị T có nơi cư trú tại Tổ dân phố F, phường A, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ dân phố H, phường A, tỉnh Tuyên Quang). Vì vậy, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét giấy vay vàng có xác định thời hạn trả là ngày 17/6/2001, nhưng đến hạn nguyên đơn không thực hiện quyền yêu cầu khởi kiện ngay, đến ngày 21/7/2010 nguyên đơn mới chứng minh được bị đơn có giấy khất nợ, nay nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 01 chỉ vàng mà không yêu cầu trả lãi. Vì vậy xác định là còn thời hiệu khởi kiện và nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi lại tài sản là 01 chỉ vàng đã cho bị đơn vay là có căn cứ pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Hồng N cho chị Hoàng Thị T vay 01 chỉ vàng nhẫn tròn 999 (ba số 9) và đã giao đủ vàng cho chị T, hẹn trả vào ngày 17/6/2001. Chị T thừa nhận có vay của bà N 01 chỉ vàng nhẫn tròn 999, đã nhận đủ vàng và đến nay chưa trả. Mặt khác, trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2025 chị T đã nhiều lần viết giấy khất nợ cho bà N. Đặc biệt ngày 07/11/2025 chị T tiếp tục viết giấy khất nợ, hẹn đến tháng 6/2026 sẽ trả nhưng đến nay chị T vẫn chưa trả số vàng đã vay, do đó chị T vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đối với phương thức trả nợ, chị Hoàng Thị T thừa nhận nghĩa vụ trả 01 chỉ vàng nhẫn tròn 999 (ba số 9) nhưng cho rằng hiện nay giá vàng cao, chưa có khả năng trả một lần và đề nghị được trả dần bằng tiền hoặc mỗi tháng 02 phân vàng. Tuy nhiên, bà Phạm Hồng N không đồng ý với phương thức này và yêu cầu chị T phải trả đủ 01 chỉ vàng trong một lần. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không có thỏa thuận về việc chuyển nghĩa vụ trả 01 chỉ vàng thành nghĩa vụ trả tiền hoặc trả dần theo từng tháng. Việc chị T gặp khó khăn về kinh tế, giá vàng tăng cao là lý do về khả năng thực hiện nghĩa vụ của chị T, không phải căn cứ để làm thay đổi

nghĩa vụ trả tài sản đã xác lập. Do đó, yêu cầu của bà N về việc buộc chị T trả một lần 01 chỉ vàng nhẫn tròn 999 (ba số 9) là có căn cứ cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh giá vàng nhẫn tròn 999 (vàng ba số 9) tại cửa hàng kinh doanh vàng bạc Tuấn A thời điểm xét xử sơ thẩm có giá bán ra là 14. 650.000 đồng/01 chỉ. Như vậy 01 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999 có giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng tương ứng là 14.650.000 đồng *(Mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn)*, Hội đồng xét xử thấy cần quy đổi giá trị số vàng trên thành tiền Việt Nam đồng để làm căn cứ buộc chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[3] Về lãi suất: Bà Phạm Hồng N trình bày khi vay hai bên có thỏa thuận nếu không trả đúng hạn thì tính lãi 2,00 trên trị giá vàng bán ra. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N xác định không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về ý kiến phát biểu của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: các Điều 463, 466, 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng N về việc K đòi tài sản đối với chị Hoàng Thị T.

Xử buộc chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Hồng N 01 (một) chỉ vàng nhẫn tròn 999 (vàng ba số 9).

2. Về án phí:

- Chị Hoàng Thị T phải chịu 732.500 đồng *(Bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Hồng N được miễn toàn bộ tiền án phí do là người cao tuổi.

Khoản tiền phải trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/8/2026).

"*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4,6,7,36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025"./.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn